

nghiệp đại học được tuyển đi đào tạo sĩ quan dự bị hàng năm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

6. Tin, tài liệu về quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo từ cấp vụ và tương đương trở lên trong ngành Giáo dục và Đào tạo chưa công bố;

7. Hồ sơ nhân sự cán bộ lãnh đạo từ cấp vụ và tương đương trở lên trong ngành Giáo dục và Đào tạo chưa công bố;

8. Tài liệu, kết quả các vụ việc thanh tra, kiểm tra trong ngành Giáo dục và Đào tạo chưa công bố;

9. Tài liệu về thiết kế hệ thống máy tính của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các quy định, quy ước về bảo đảm an toàn mạng máy tính của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Cơ quan chức năng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Công an chịu trách nhiệm kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. Các Bộ; cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Lê Hồng Anh

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUYẾT ĐỊNH số 06/2005/QĐ-BGTVT ngày **04/01/2005** của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “**Một số quy định trong công tác đấu thầu xây lắp các dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn trong nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý**”.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Xây dựng được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01/9/1999 và được sửa đổi bổ sung một số điều bằng các Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 và Nghị

0963837

định số 66/2003/NĐ-CP ngày 12/6/2003 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2000/TT-BKH ngày 26/5/2000 và Thông tư số 01/2004/TT-BKH ngày 02/02/2004 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quy chế đấu thầu;

Xét tình hình thực tế về công tác đấu thầu thuộc các dự án đầu tư và xây dựng công trình chuyên ngành giao thông;

Để nâng cao chất lượng đấu thầu nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án;

Theo đề nghị của ông Cục trưởng Cục Giám định và QLCL CTGT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Một số quy định trong công tác đấu thầu xây lắp các dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn trong nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1626/1999/QĐ-BGTVT ngày 06/7/1999 và số 316/QĐ-BGTVT ngày 30/01/2003 của Bộ Giao thông vận tải.

Các quy định trước đây của ngành giao thông vận tải trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị trong ngành giao thông vận tải chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

Đào Đình Bình

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG CÔNG TÁC
ĐẤU THẦU XÂY LẮP CÁC DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẰNG NGUỒN
VỐN TRONG NƯỚC DO BỘ GIAO
THÔNG VẬN TẢI QUẢN LÝ**

(ban hành kèm theo Quyết định số 06/2005/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

Điều 1. Quy định áp dụng

Trong quá trình lập, thẩm định và trình duyệt các thủ tục về đấu thầu và tổ chức đấu thầu các chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư (gọi chung là chủ đầu tư) sử dụng nguồn vốn trong nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý và các cơ quan đơn vị liên quan, ngoài việc phải

đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Quy chế đấu thầu hiện hành, các thông tư hướng dẫn về đấu thầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các quy định của pháp luật về đấu thầu và đầu tư xây dựng, còn phải thực hiện theo các nội dung trong Quy định này.

Điều 2. Điều kiện thực hiện đấu thầu

1. Điều kiện thực hiện đấu thầu được quy định tại Điều 9 của Quy chế đấu thầu ban hành theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP và được sửa đổi bổ sung bằng khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 66/2003/NĐ-CP và Thông tư số 01/2004/TT-BKH ngày 02/02/2004 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2003/NĐ-CP.

2. Việc tổ chức thông báo mời thầu (hoặc gửi thư mời thầu) chỉ được thực hiện sau khi có hồ sơ mời thầu được duyệt và có kế hoạch vốn hoặc nguồn tài chính đã được xác định.

3. Đối với hình thức lựa chọn nhà thầu là đấu thầu hạn chế các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng phải đảm bảo quy định tại Điều 100 của Luật Xây dựng:

“Không cho phép 2 doanh nghiệp trở lên thuộc cùng một tổng công ty, tổng công ty với công ty thành viên, công ty mẹ và công ty con, doanh nghiệp liên doanh với một bên góp vốn trong liên doanh cùng tham gia đấu thầu trong một gói thầu”.

Điều 3. Về việc lập, trình duyệt kế hoạch đấu thầu dự án

1. Quy định chung:

Kế hoạch đấu thầu các dự án nhóm A, B và dự án quan trọng cấp quốc gia phải đảm bảo quy định tại Điều 8 của Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP và phần thứ hai của Thông tư số 04/2000/TT-BKH ngày 26/5/2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quy chế đấu thầu.

Riêng đối với các dự án nhóm C, kế hoạch đấu thầu được lập và phê duyệt cùng thời điểm với báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư theo quy định của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, nhưng nội dung kế hoạch đấu thầu phải đảm bảo theo quy định của Quy chế đấu thầu và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Nội dung trình duyệt kế hoạch đấu thầu đảm bảo đủ các cơ sở pháp lý và các nội dung thông tin cần thiết để thẩm định và xét duyệt theo đúng quy định trong Thông tư số 04/2000/TT-BKH ngày 26/5/2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể như sau:

2.1. Văn bản trình duyệt kế hoạch đấu thầu dự án bao gồm các nội dung sau:

a) Báo cáo các căn cứ pháp lý để lập, duyệt kế hoạch đấu thầu dự án:

- Văn bản quyết định đầu tư dự án,

giao kế hoạch vốn hoặc văn bản cho phép triển khai tổ chức đấu thầu dự án, các văn bản liên quan khác tới dự án;

- Tóm tắt quy mô dự án kèm theo báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt.

b) Báo cáo tình hình triển khai dự án, trong đó phải thể hiện được nội dung của các phần việc sau:

- Phân công việc đã và đang thực hiện:

+ Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, bao gồm chi phí lập dự án đầu tư xây dựng.

+ Trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện đầu tư, bao gồm các chi phí khảo sát thiết kế, chi phí cho công tác đền bù giải phóng mặt bằng vv....

Đối với từng công việc đã và đang thực hiện nêu trên cần nêu rõ văn bản cho phép thực hiện, tên đơn vị thực hiện, giá trị và thời gian thực hiện.

- Phân công việc không đấu thầu: Chi phí ban quản lý dự án, chi phí giải phóng mặt bằng (trừ phần xây dựng khu tái định cư và rà phá bom mìn), các khoản lệ phí phải nộp, lệ phí thẩm định, chi phí dự phòng vv...

- Phân công việc sẽ tổ chức đấu thầu:

Bao gồm những công việc còn lại của dự án cần tổ chức đấu thầu: xây lắp, cung cấp lắp đặt thiết bị và công tác rà phá bom mìn, xây dựng khu tái định cư (nếu có) v.v...

2.2. Nội dung lập kế hoạch đấu thầu phải thực hiện đúng quy định của Quy chế đấu thầu hiện hành và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó phải giải trình cụ thể:

a) Phân chia gói thầu và cơ sở tính toán xác định giá trị gói thầu.

b) Giá gói thầu và nguồn tài chính.

c) Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu:

- Hình thức lựa chọn nhà thầu:

+ Chủ yếu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi.

+ Những trường hợp cần thiết chỉ định thầu hoặc đấu thầu hạn chế phải phù hợp các quy định của Quy chế đấu thầu hiện hành.

- Về phương thức đấu thầu thực hiện theo quy định của Quy chế đấu thầu và các thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

d) Thời gian tổ chức đấu thầu.

đ) Loại hợp đồng: Tùy theo tính chất và thời gian thực hiện gói thầu mà đề xuất loại hợp đồng cho phù hợp.

e) Thời gian thực hiện hợp đồng phải được đề xuất đảm bảo phù hợp với tiến độ của dự án được duyệt, tính khả thi của việc thực hiện từng gói thầu và thời gian hoàn thành các gói thầu của dự án không quá chênh lệch.

2.3. Tài liệu kèm theo Văn bản trình duyệt (Tờ trình):

Khi trình duyệt kế hoạch đấu thầu các dự án chủ đầu tư phải gửi kèm theo các tài liệu pháp lý sau:

a) Quyết định đầu tư, kèm theo báo cáo nghiên cứu khả thi (thiết kế sơ bộ, thiết kế cơ sở, cơ cấu tổng mức đầu tư), thiết kế và dự toán được duyệt (nếu có).

b) Các văn bản tài liệu về khả năng cung cấp vốn, tình hình thực tế của dự án.

c) Các văn bản liên quan khác nếu có: Các quyết định đã được phê duyệt về thiết kế kỹ thuật, dự toán và tổng dự toán (nếu có), các quyết định giao thầu, chỉ định thầu về tư vấn lập dự án, tư vấn thiết kế...

3. Phân chia gói thầu:

Việc phân chia dự án thành các gói thầu cần căn cứ vào công nghệ, tính chất kỹ thuật hoặc trình tự thực hiện dự án, với quy mô hợp lý, đảm bảo sau khi hoàn thành từng gói thầu có thể khai thác có hiệu quả và không làm phát sinh thêm chi phí do trình tự thực hiện các gói thầu gây ra. Không phân chia gói thầu quá nhỏ hoặc gói thầu quá lớn.

Đối với các dự án xây dựng đường giao thông (không kể các cầu trung và lớn, hầm giao thông và các trường hợp đặc biệt khác), việc phân chia gói thầu xây

lắp cần phải đảm bảo giá trị mỗi gói thầu trong khoảng như sau:

a) Dự án nhóm C: Đối với dự án có tổng mức đầu tư trên 15 tỷ đồng, phần xây lắp phân thành 1 đến 2 gói thầu; dự án dưới 15 tỷ đồng phần xây lắp phân thành 01 gói thầu.

b) Dự án nhóm B: Các gói thầu xây lắp có giá trị khoảng từ 30 đến 50 tỷ tùy thuộc quy mô và giá trị tổng mức đầu tư.

Đối với các dự án thuộc nhóm này có giá trị phần xây lắp nhỏ hơn 30 tỷ đồng quy định toàn bộ phần xây lắp là 01 gói thầu.

c) Dự án nhóm A: Các gói thầu xây lắp có giá trị ít nhất khoảng 70 tỷ đồng. Khuyến khích phân chia các gói thầu xây lắp có giá trị lớn hơn 100 tỷ đồng.

Các trường hợp khác với quy định nêu trên, chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo giải trình để người có thẩm quyền xem xét quyết định.

Điều 4. Lập hồ sơ mời thầu

1. Căn cứ để lập, trình và duyệt hồ sơ mời thầu:

Căn cứ lập hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại mục II chương I Phần thứ ba của Thông tư số 04/2000/TT-BKH ngày 26/5/2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Nội dung hồ sơ mời thầu:

2.1. Quy định chung:

a) Hồ sơ mời thầu đảm bảo đầy đủ các phần như quy định của Quy chế đấu thầu và các thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nội dung các phần của hồ sơ mời thầu phải đảm bảo sự thống nhất.

Chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền quyết định đầu tư về chất lượng hồ sơ mời thầu và về sự phù hợp của hồ sơ mời thầu với thiết kế và dự toán được duyệt.

Trường hợp số nhà thầu đăng ký tham dự đấu thầu lớn hơn số hồ sơ thiết kế mà tư vấn thiết kế phải nộp theo quy định, Bên mời thầu phải sao thêm hồ sơ thiết kế để bán đủ cho các nhà thầu đã đăng ký. Trong trường hợp này, Bên mời thầu phải đóng dấu xác nhận vào các bản sao đó và chịu trách nhiệm về sự chính xác của bản sao so với bản chính.

b) Trong hồ sơ mời thầu ngoài các nội dung như quy định của Quy chế đấu thầu và các thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cần phải có các nội dung sau:

- Kế hoạch thực hiện gói thầu của nhà thầu, trong đó phải ghi cụ thể mốc thời gian hoàn thành các hạng mục công trình chính.

- Đối với gói thầu cải tạo nâng cấp đường giao thông, trong điều kiện vừa thi công vừa khai thác, yêu cầu nhà thầu

phải lập phương án tổ chức đảm bảo giao thông và an toàn giao thông, biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường.

Bản tiên lượng mời thầu phải có hạng mục đảm bảo giao thông với giá trị bằng giá dự toán được duyệt. Sau khi trúng thầu nhà thầu ký hợp đồng giao cho cơ quan quản lý duy tu sửa chữa đường thực hiện công tác đảm bảo giao thông đoạn tuyến thuộc phạm vi gói thầu. Các nhà thầu không có biện pháp đảm bảo giao thông thì sẽ bị điểm liệt và bị loại.

Đối với các công trình xây dựng ở nơi không có cơ quan quản lý duy tu, sửa chữa đường, thì nhà thầu được phép tự thực hiện sau khi đã báo cáo và được chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

- Hồ sơ dự thầu của các nhà thầu phải kê khai bộ máy quản lý điều hành và hệ thống kiểm tra kỹ thuật chất lượng nội bộ, kèm theo lý lịch trích ngang các vị trí được giao đảm trách để Bên mời thầu đánh giá xét thầu và là cơ sở để kiểm tra khi thực hiện hợp đồng.

2.2. Quy định về phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu:

Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu của các gói thầu phải được lập theo quy định của Quy chế đấu thầu và các thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trong phương pháp xét thầu cần phải quy định rõ đối với các nhà thầu đã có

những vi phạm chất lượng, tiến độ hoặc bị xử lý ở các gói thầu đã thực hiện trước đây, hoặc không đủ năng lực tài chính thì sẽ bị trừ điểm khi đánh giá hoặc bị loại bỏ trong khi xét thầu.

Đối với nhà thầu có thể được kiến nghị trúng thầu, Chủ đầu tư cần kiểm tra đánh giá lại năng lực tài chính thực tế của nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ và các điều kiện hợp đồng, thông qua việc xem xét các nội dung sau:

- Kiểm tra các hợp đồng mà nhà thầu đã và đang thực hiện có đảm bảo chất lượng, tiến độ theo quy định của hợp đồng.

- Đối với nhà thầu đã trúng thầu nhiều gói thầu hoặc đang thực hiện nhiều gói thầu trong cùng thời gian xét thầu, phải yêu cầu nhà thầu giải trình về biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu (khả năng huy động về tài chính, về thiết bị và nhân sự để thực hiện gói thầu). Trên cơ sở giải trình của nhà thầu, Chủ đầu tư đánh giá và báo cáo người có thẩm quyền khi trình kết quả đấu thầu.

2.3. Khối lượng mời thầu:

Khối lượng mời thầu của các gói thầu xây lắp là toàn bộ khối lượng trong hồ sơ thiết kế được duyệt.

Các khối lượng mời thầu bao gồm những khối lượng cơ bản ứng với các hạng mục kết cấu chính.

Trong quá trình lập hồ sơ dự thầu nhà thầu phải căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình thi công và giải pháp kỹ thuật - công nghệ của nhà thầu phù hợp với tiến độ của dự án, để đưa vào các khối lượng cần thiết khác.

2.4. Quy định về lập bản vẽ thi công:

Các gói thầu xây lắp có quy định việc lập bản vẽ thi công do nhà thầu đảm trách, trong hồ sơ mời thầu cần quy định một số nội dung như sau:

a) Giá trị dự toán tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công được lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định của Nhà nước bằng một quyết định riêng. Giá trị dự toán này không nằm trong giá gói thầu xây lắp được duyệt để xét thầu.

b) Sau khi có kết quả trúng thầu và có dự toán khảo sát thiết kế bản vẽ thi công được duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm làm các thủ tục bổ sung giá trị dự toán khảo sát thiết kế bản vẽ thi công được duyệt vào giá trị hợp đồng giao nhận thầu, nhà thầu trúng thầu có trách nhiệm sử dụng chi phí này để thực hiện (nếu có đăng ký kinh doanh) hoặc thuê tổ chức tư vấn chuyên ngành thực hiện công tác khảo sát thiết kế bản vẽ thi công theo quy định.

Nhà thầu trúng thầu ký hợp đồng thuê tư vấn khảo sát thiết kế bản vẽ thi công với giá lớn hơn giá dự toán được duyệt, thì nhà thầu trúng thầu tự chịu chi phí tăng thêm này.

09538477
Tel +84-8-3845 664
www.ThuVienPhapLuat.com
Hàng Sưu

c) Trường hợp nhà thầu không đủ tư cách pháp nhân và năng lực, kinh nghiệm thực hiện công tác khảo sát thiết kế bản vẽ thi công thì phải kê khai (một hoặc một số) tổ chức tư vấn đủ điều kiện theo quy định mà nhà thầu dự kiến thuê để thực hiện công việc này. Hồ sơ dự thầu của nhà thầu không kê khai về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm khảo sát thiết kế bản vẽ thi công sẽ bị loại trong quá trình xét thầu.

Nhà thầu trúng thầu có trách nhiệm triển khai công tác khảo sát thiết kế bản vẽ thi công (kể cả trong trường hợp phải thuê tổ chức tư vấn thực hiện) ngay sau khi có thông báo trúng thầu và phải thực hiện theo Chỉ thị số 13/2003/CT-BGTVT ngày 29/5/2003 của Bộ Giao thông vận tải nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ dự án.

d) Ngoài các nội dung trên chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các nội dung sau:

- Đảm bảo giá trị dự toán thiết kế bản vẽ thi công chiếm tỷ lệ đúng quy định so với tổng chi phí thiết kế tính theo định mức của Nhà nước (đối với công trình giao thông giá trị dự toán thiết kế bản vẽ thi công chiếm 30% so với tổng chi phí thiết kế);

- Đồng thời chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng bước khảo sát để lập thiết kế bản vẽ thi công so với bước khảo sát thiết kế kỹ thuật. Trường hợp phát hiện công tác khảo sát thiết kế kỹ thuật theo đề

cương được duyệt có sai sót, thì tùy theo mức độ vi phạm, chủ đầu tư báo cáo đề xuất hình thức xử lý đối với các tập thể, cá nhân có liên quan và kiến nghị người có thẩm quyền quyết định đầu tư xử lý theo Quyết định số 4391/2002/QĐ-BGTVT ngày 27/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và theo các quy định hiện hành.

Điều 5. Tổ chức mời thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi:

1. Thông báo mời thầu

1.1. Thực hiện theo quy định tại Văn bản số 7304/BKH-QLĐT ngày 16/11/2004 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kể từ 01/4/2005 đối với các gói thầu xây lắp, cung cấp hàng hóa có giá trị từ 20 tỷ trở lên và gói thầu tư vấn từ 5 tỷ đồng trở lên, thông báo mời thầu rộng rãi bắt buộc phải đăng trên Bản tin “Thông tin Đấu thầu” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trước thời điểm 01/4/2005, việc thông báo mời thầu các gói thầu có giá trị như trên phải được đăng trên ít nhất 01 tờ báo Trung ương phát hành trong phạm vi cả nước (ví dụ Báo Nhân dân, Báo Lao động...) hoặc đăng trên Bản tin “Thông tin Đấu thầu” hoặc đăng đồng thời trên cả hai loại phương tiện nêu trên.

1.2. Đối với các gói thầu xây lắp, cung cấp hàng hóa và tư vấn có giá trị nhỏ hơn mức quy định tại điểm 1.1, thông báo mời thầu phải được đăng ít nhất trên 01

báo Trung ương phát hành trên phạm vi toàn quốc.

1.3. Về số kỳ đăng thông báo mời thầu trên bản tin “Thông tin Đấu thầu” hoặc các phương tiện thông tin đại chúng nêu trên phải đảm bảo ít nhất trong 3 kỳ liên tục.

1.4. Thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu được thực hiện sau ít nhất là 10 ngày kể từ ngày đăng thông báo lần đầu (gói thầu quy mô nhỏ thực hiện sau ít nhất là 5 ngày).

2. Về các thông tin chi tiết tại nơi đăng ký, phát hành hồ sơ mời thầu:

Để các nhà thầu tự đánh giá xem xét trước khi quyết định tham dự đấu thầu, Bên mời thầu phải thông tin chi tiết tại nơi đăng ký và phát hành hồ sơ mời thầu những nội dung sau:

2.1. Phạm vi, quy mô gói thầu, các thông tin về điều kiện tự nhiên, địa hình, địa chất thủy văn khu vực xây dựng gói thầu (trừ thông tin về giá gói thầu và giá dự toán).

2.2. Điều kiện và yêu cầu tối thiểu về năng lực kinh nghiệm của nhà thầu tham gia đấu thầu.

2.3. Các thông tin cần thiết khác đã quy định trong Quy chế đấu thầu, Thông tư 04/2000/TT-BKH ngày 26/5/2000 và Thông tư 01/2004/TT-BKH ngày 02/2/2004 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các nội dung liên quan khác.

3. Thể thức đăng ký dự thầu, bán hồ sơ mời thầu và nộp hồ sơ dự thầu:

3.1. Việc đăng ký tham gia đấu thầu, mua - bán hồ sơ mời thầu được thực hiện ngay tại nơi bán hồ sơ mời thầu, trong thời gian bán hồ sơ mời thầu.

a) Thời gian bán hồ sơ mời thầu phải đảm bảo ít nhất là 02 ngày làm việc.

b) Người đến đăng ký và mua hồ sơ mời thầu phải nộp giấy giới thiệu do Lãnh đạo nhà thầu ký, có đóng dấu của nhà thầu, kèm theo là bản tự kê khai của người được cử đến mua hồ sơ mời thầu. Trong đó nêu rõ tên, tuổi, vị trí công tác, địa chỉ và điện thoại liên hệ, cam kết việc mình đứng là người của doanh nghiệp có giấy giới thiệu đến mua hồ sơ mời thầu, và phải ký vào bản tự kê khai đó. Đối tượng đến mua hồ sơ không đủ các nội dung này, sẽ không được mua hồ sơ mời thầu.

Trong quá trình xét thầu nếu phát hiện các trường hợp khai báo không đúng sự thật hồ sơ sẽ bị loại.

c) Bên mời thầu không được áp đặt mà phải căn cứ vào nguyện vọng đăng ký mua hồ sơ mời thầu của các nhà thầu để bán hồ sơ mời thầu. Trường hợp không đủ hồ sơ mời thầu để bán cho các nhà thầu do số lượng tham gia đấu thầu lớn, Bên mời thầu phải in bổ sung để bán đủ theo yêu cầu của các nhà thầu trong thời gian quy định. Khi đó Bên mời thầu đóng dấu vào các bản sao của hồ sơ mời

thầu và chịu trách nhiệm về sự chính xác của hồ sơ được sao.

3.2. Nộp hồ sơ dự thầu:

Thực hiện theo lịch ghi trong thông báo mời thầu. Nếu có sự thay đổi về lịch thực hiện đấu thầu, Bên mời thầu phải kịp thời thông báo tới tất cả các nhà thầu tham dự gói thầu. Bên mời thầu không được tiếp nhận hồ sơ dự thầu của các nhà thầu không có tên trong danh sách đến mua hồ sơ mời thầu.

Nhà thầu đã đăng ký mua hồ sơ mời thầu, khi chuẩn bị hồ sơ dự thầu có thể liên danh với nhà thầu khác để tham dự đấu thầu gói thầu đã đăng ký. Trường hợp này trong liên danh phải có ít nhất 01 thành viên có tên trong danh sách đã mua hồ sơ mời thầu.

4. Một số quy định khác:

4.1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn bộ quá trình tổ chức đấu thầu theo đúng quy định hiện hành.

4.2. Các nhà thầu tham gia đấu thầu tự chịu trách nhiệm về những thông tin kê khai khi đến mua hồ sơ mời thầu và tự bảo vệ quyền tham gia dự thầu của mình theo đúng quy định của Quy chế đấu thầu hiện hành và các quy định của Bộ Giao thông vận tải liên quan đến công tác đấu thầu.

4.3. Trường hợp có những phát sinh vượt quá thẩm quyền hoặc phát hiện

những trường hợp không bình thường, Chủ đầu tư cần báo cáo kịp thời với người có thẩm quyền hoặc cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Điều 6. Yêu cầu tối thiểu về năng lực, kinh nghiệm nhà thầu được tham gia dự thầu:

Nhà thầu được tham gia đấu thầu phải đáp ứng quy định tại điểm 1, khoản 1, phần 1 của Thông tư số 01/2004/TT-BKH ngày 02/02/2004 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trong quá trình tổ chức đấu thầu, nếu thấy cần thiết, Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu chứng minh về sự tồn tại và hoạt động bình thường của doanh nghiệp mình. Khi đó nhà thầu có trách nhiệm giải trình và nộp giấy xác nhận của cơ quan ký quyết định thành lập, hoặc của cơ quan cấp trên của mình, hoặc của cơ quan cấp giấy đăng ký kinh doanh về việc tồn tại hoạt động bình thường của nhà thầu, kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan thuế để Bên mời thầu xem xét đánh giá. Nếu nhà thầu không đáp ứng yêu cầu của Bên mời thầu thì sẽ bị loại khi xét thầu.

Yêu cầu tối thiểu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu khi tham dự đấu thầu các gói thầu xây lắp như sau:

1. Thời gian kinh nghiệm:

1.1. Đối với các gói thầu thuộc dự án nhóm A, nhà thầu phải có ít nhất 5 năm

tham gia hoạt động chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của gói thầu.

1.2. Đối với các gói thầu thuộc dự án nhóm B, nhà thầu phải có ít nhất 3 năm tham gia hoạt động chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của gói thầu.

1.3. Đối với dự án nhóm C, nhà thầu phải có ít nhất 2 năm tham gia hoạt động chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của gói thầu.

2. Kinh nghiệm hoạt động chuyên ngành trong thời gian quy định tại khoản 1 Điều 6:

2.1. Nhà thầu đã thực hiện và hoàn thành ít nhất 01 hợp đồng tương tự về kỹ thuật của gói thầu và có giá trị hợp đồng không nhỏ hơn giá trị gói thầu, hoặc đã tham gia và hoàn thành từ 2 đến 3 hợp đồng tương tự về kỹ thuật của gói thầu với tổng giá trị thực hiện tại các hợp đồng trên phải lớn hơn giá trị gói thầu.

2.2. Trường hợp nhà thầu là liên danh các doanh nghiệp xây dựng tham dự đấu thầu, ngoài các điều kiện quy định như một nhà thầu độc lập nêu trên, yêu cầu đơn vị đứng đầu liên danh phải thực hiện và hoàn thành ít nhất 01 hợp đồng tương tự về kỹ thuật xây dựng có giá trị không thấp hơn 60% giá trị gói thầu.

Hợp đồng tương tự nêu trên phải được chủ đầu tư của dự án đó xác nhận bằng văn bản là đã hoàn thành đảm bảo chất lượng, tiến độ và có tinh thần trách

nhiệm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trường hợp chủ đầu tư dự án đó đã giải thể thì nộp bản thanh lý hợp đồng hoặc biên bản bàn giao công trình.

3. Năng lực tài chính:

3.1. Tổng lợi nhuận sau thuế trong 3 năm liên kế của nhà thầu không nhỏ hơn không.

Nhà thầu là liên danh thì tất cả thành viên đều phải đáp ứng quy định này.

3.2. Doanh thu xây lắp bình quân trong 3 năm liên kế của nhà thầu phải lớn hơn hoặc bằng 2 lần giá gói thầu.

Nhà thầu liên danh thì doanh thu trung bình 3 năm liên kế được tính bằng tổng doanh thu của các bên tham gia. Trong đó nhà thầu đứng đầu liên danh phải có doanh thu trung bình trong 03 năm liên kế lớn hơn 60% giá trị doanh thu quy định ở trên và không thấp hơn tỷ lệ % giá trị gói thầu mà nhà thầu đứng đầu liên danh đó đảm nhận theo thỏa thuận của hợp đồng liên danh.

3.3. Nhà thầu tham dự đấu thầu phải chứng minh được năng lực tài chính thực tế theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Điều 7. Về giá dự thầu xây lắp

1. Khi tính giá dự thầu, ngoài việc phải tính đủ các chi phí cần thiết cấu thành sản phẩm công trình theo hướng dẫn trong hồ sơ mời thầu, nhà thầu phải tính đến các chi phí sau theo quy định hiện hành của Nhà nước:

1.1. Chế độ chính sách tiền lương đối với người lao động;

1.2. Chế độ khấu hao phương tiện, thiết bị máy móc thi công;

1.3. Các loại thuế, phí và lệ phí phải trích nộp.

2. Giá trị dự thầu của nhà thầu phải bao gồm đủ chi phí nêu trên và các khoản chi phí chung, chi phí cho hệ thống quản lý chất lượng nội bộ của nhà thầu...

3. Đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng, nghiêm cấm nhà thầu bỏ giá thầu thấp dưới giá thành xây dựng công trình (quy định tại khoản 7 Điều 10 của Luật Xây dựng).

4. Trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu kèm theo bảng giá dự thầu, bắt buộc phải có phân tích đơn giá chi tiết cấu thành đơn giá dự thầu của các khối lượng xây lắp trong bản tiên lượng mời thầu và phải được Bên mời thầu quy định rõ trong hồ sơ dự thầu, trong đó nhất thiết phải có các đơn giá sau:

4.1. Tất cả các đơn giá dự thầu thuộc hạng mục sản phẩm mời thầu có giá trị:

a) Lớn hơn 2% tổng giá dự thầu, đối với gói thầu lớn hơn 15 tỷ đồng.

b) Lớn hơn 5% tổng giá dự thầu, đối với gói thầu nhỏ hơn 15 tỷ đồng.

4.2. Các đơn giá dự thầu thuộc các hạng mục dễ phát sinh trong quá trình

thi công (Ví dụ hạng mục vét bùn, nạo vét dưới đáy sông, biển hoặc xử lý nền đất yếu...).

4.3. Một số đơn giá dự thầu thuộc các hạng mục kết cấu sản phẩm chính (sẽ được quy định cụ thể trong hồ sơ mời thầu tùy theo tính chất kỹ thuật và yêu cầu của gói thầu), gồm có:

- Đơn giá đào đất, đá nền móng công trình,

- Đơn giá đắp đất, đá, cát nền công trình,

- Đơn giá kết cấu móng, mặt đường,

- Đơn giá cọc móng các loại,

- Đơn giá bê tông, cốt thép thân móng cầu các loại,

- Đơn giá sản xuất lắp đặt ống cống đường kính $D \geq 1,0$ m,

- Đơn giá dầm cầu các loại,

- Đơn giá bê tông, cốt thép móng nhà cao tầng,

- Đơn giá xây thô thân nhà cao tầng,

- Đơn giá cột khung bê tông, cốt thép thân nhà cao tầng,

- Đơn giá bê tông cốt thép dầm, giằng sàn các tầng của nhà cao tầng,

- Và đơn giá dự thầu một số hạng mục kết cấu sản phẩm chủ yếu khác.

5. Trong quá trình đánh giá xét thầu, Bên mời thầu phát hiện những hồ sơ dự

thầu có đơn giá dự thầu bất hợp lý, tỷ lệ hoặc cơ cấu giá giữa các phần, các hạng mục trong bảng giá dự thầu bất hợp lý so với tỷ lệ, cơ cấu giá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Nhà nước, thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu giải trình để xem xét, xử lý.

Bên mời thầu phải xem xét kỹ để xác định đúng đơn giá các hạng mục đòi hỏi chi phí vật liệu lớn, các kết cấu có ảnh hưởng tới sự an toàn và bền vững của công trình (kết cấu dầm cầu, mố và trụ cầu, móng cọc, lớp móng và mặt đường, khung chịu lực...). Nếu nhà thầu đề xuất các đơn giá loại này thấp, thì Bên mời thầu cần yêu cầu nhà thầu làm rõ về sự bất hợp lý của đơn giá đó, nếu giải trình bằng văn bản của nhà thầu không đủ rõ thì đơn giá đó của nhà thầu bị coi là sai lệch khi xét thầu.

Điều 8. Phương thức xác định và xử lý đối với sự bất hợp lý về giá dự thầu xây lắp

1. Giá dự thầu của các gói thầu xây lắp:

1.1. Thấp hơn 15% so với giá trị dự toán xây lắp được duyệt đối với các gói thầu xây dựng cầu đường, bến cảng, công trình san lấp mặt bằng.

1.2. Thấp hơn 10% so với giá dự toán xây lắp được duyệt đối với gói thầu xây dựng kiến trúc nhà hoặc gói thầu xây dựng hệ thống cấp điện, cấp thoát nước.

Những giá dự thầu thấp hơn mức trên

là có thể tiềm ẩn sự bất hợp lý về giá, cần phải kiểm tra xem xét kỹ các đơn giá dẫn đến giá dự thầu thấp như trên.

2. Trong quá trình đánh giá về giá dự thầu, Bên mời thầu có quyền yêu cầu và nhà thầu có trách nhiệm giải trình về các đơn giá dự thầu, nhất là đối với các đơn giá bất hợp lý. Nếu văn bản giải trình của nhà thầu không đủ cơ sở tin cậy thì Bên mời thầu căn cứ vào mức độ bất hợp lý, để xem xét tính khả thi của hồ sơ dự thầu theo các quy định hiện hành.

Những yếu tố để kiểm tra xem xét mức độ bất hợp lý của những đơn giá dự thầu bao gồm:

2.1. Đơn giá nhân công không đúng với cấp bậc công việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2.2. Thuế suất thuế giá trị gia tăng VAT và các loại thuế theo quy định của Nhà nước không đúng theo biểu thuế quy định hiện hành của Nhà nước.

2.3. Không đủ thành phần chi phí công việc tương ứng phù hợp với giải pháp công nghệ, biện pháp tổ chức thi công, tiến độ xây dựng đã được đề xuất trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu và quy trình thi công hiện hành hoặc không đủ chi phí cho việc thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn giao thông (đối với các gói thầu cải tạo đường giao thông), không có chi phí cho hệ thống quản lý chất lượng, chi phí bố trí công trường và bảo vệ môi trường.

2.4. Đơn giá vật liệu đến chân công trình, các định mức hao phí nhân công, vật liệu, máy thi công trong các đơn giá chi tiết cấu thành giá dự thầu, tính quá thấp so với thông báo giá vật liệu của cơ quan có thẩm quyền và các định mức hiện hành của Nhà nước.

2.5. Các tỷ lệ chi phí chung hoặc các tỷ lệ chi phí khác tính quá thấp so với quy định của Nhà nước.

2.6. Đối với các hồ sơ dự thầu có tỷ lệ hoặc cơ cấu giá dự thầu của các phần có chênh lệch lớn so với giá dự toán được duyệt (quy định tại khoản 5 Điều 7) hoặc bất hợp lý, thiếu khả thi thì Bên mời thầu phải xem xét kỹ lưỡng. Nếu mức độ bất hợp lý quá lớn, thiếu khả thi, Bên mời thầu và tổ chuyên gia cần thống nhất ý kiến loại bỏ hồ sơ dự thầu và nêu rõ trong báo cáo xét thầu.

3. Phương pháp xử lý đối với những đơn giá dự thầu bất hợp lý thuộc các hồ sơ dự thầu có bất hợp lý về giá nhưng chưa đến mức bị loại bỏ, được thực hiện như sau:

Tổ chuyên gia và hội đồng đánh giá của chủ đầu tư đề xuất phương án xử lý đối với đơn giá bất hợp lý. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của các thành viên, Lãnh đạo Chủ đầu tư sẽ quyết định biện pháp xử lý đối với các đơn giá bất hợp lý theo hướng thay thế đơn giá bất hợp lý này bằng đơn giá cao nhất trong số các hồ sơ dự thầu khác nằm trong danh sách

ngắn. Đồng thời nêu rõ trong báo cáo xét thầu khi trình duyệt kết quả đấu thầu.

Các trường hợp nêu tại điểm 2.6 và mục 3 ở trên, Tổ tư vấn thẩm định của cấp quyết định đầu tư sẽ xem xét kỹ đánh giá xét thầu của chủ đầu tư, để trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định.

Điều 9. Quy định về liên danh

Trường hợp các nhà thầu liên danh để tham gia dự thầu phải đáp ứng các quy định sau:

1. Tất cả các nhà thầu tham gia liên danh phải có đủ năng lực pháp luật dân sự theo quy định của Quy chế đấu thầu và Thông tư số 01/2004/TT-BKH ngày 02/2/2004 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời phải đủ năng lực, kinh nghiệm tối thiểu quy định trong hồ sơ mời thầu, tương ứng với phần khối lượng công việc tham gia trong liên danh.

2. Mỗi nhà thầu chỉ được tham gia một đơn dự thầu trong một gói thầu, dù dưới hình thức tham dự đấu thầu độc lập hay liên danh.

3. Số lượng thành viên trong liên danh đấu thầu xây lắp được quy định như sau:

3.1. Gói thầu xây lắp từ 70 tỷ đồng trở lên: Không quá 03 thành viên;

3.2. Gói thầu xây lắp từ 15 tỷ đồng đến 70 tỷ đồng: Không quá 02 thành viên;

3.3. Các gói thầu xây lắp đường giao

thông thường (gói thầu không có các hạng mục thuộc các chuyên ngành xây lắp có yêu cầu đăng ký kinh doanh khác nhau) có giá trị dưới 15 tỷ thì chỉ cho phép doanh nghiệp tham gia đấu thầu độc lập.

Các trường hợp khác, chủ đầu tư đề xuất khi trình duyệt hồ sơ mời thầu để cơ quan thẩm định báo cáo trong văn bản trình Người có thẩm quyền quyết định.

4. Về việc đề cử đơn vị đứng đầu liên danh: Nhà thầu đứng đầu liên danh do tất cả các thành viên trong liên danh thống nhất đề cử. Đó phải là nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm tổ chức điều hành thực hiện hợp đồng của gói thầu và phải đảm nhận phần khối lượng công việc ứng với giá trị ít nhất theo quy định như sau:

4.1. Lớn hơn hoặc bằng 60% giá trị hợp đồng, đối với liên danh 2 thành viên;

4.2. Lớn hơn hoặc bằng 40% giá trị hợp đồng, đối với liên danh 3 thành viên;

4.3. Các thành viên khác thực hiện không thấp hơn 25% giá trị hợp đồng.

5. Đơn dự thầu và hồ sơ dự thầu của liên danh phải do người đại diện hợp pháp của nhà thầu đứng đầu liên danh ký tên và đóng dấu của nhà thầu đứng đầu liên danh.

Trường hợp người đứng đầu hợp pháp của Nhà thầu đứng đầu liên danh, vì một

lý do nào đó không ký trong đơn dự thầu của liên danh, thì tất cả những người đứng đầu hợp pháp của các nhà thầu tham gia liên danh làm văn bản ủy quyền cho một người trong Ban lãnh đạo của Nhà thầu đứng đầu liên danh làm người đại diện của Nhà thầu đứng đầu liên danh ký tên trong đơn dự thầu của liên danh.

6. Liên danh các nhà thầu tham gia đấu thầu (được gọi là nhà thầu liên danh) phải có hợp đồng liên danh hoặc một văn bản thỏa thuận liên danh (gọi chung là hợp đồng liên danh) được ký kết giữa những người đứng đầu hợp pháp thuộc các nhà thầu tham gia liên danh để tham gia đấu thầu một gói thầu cụ thể.

7. Sự hợp lệ của hợp đồng liên danh được quy định như sau:

7.1. Thỏa mãn các quy định nêu tại Điều 9.

7.2. Hợp đồng (hoặc thỏa thuận liên danh) phải quy định rõ các nội dung:

a) Tên gọi liên danh;

b) Tên các thành viên tham gia liên danh kèm theo địa chỉ, điện thoại liên hệ....;

c) Quy định thành viên đứng đầu liên danh;

d) Nêu rõ mục đích liên danh để tham dự đấu thầu gói thầu... (ghi rõ tên, vị trí, lý trình, phạm vi gói thầu, dự án mà liên danh tham dự đấu thầu);

đ) Tỷ lệ về giá trị, khối lượng và nội dung công việc các thành viên trong liên danh sẽ thực hiện nếu trúng thầu;

e) Trách nhiệm và quyền hạn của lãnh đạo liên danh và từng thành viên trong liên danh;

f) Thời gian hiệu lực của hợp đồng liên danh;

g) Các nội dung khác.

7.3. Có bản cam kết của nhà thầu đứng đầu liên danh về trách nhiệm của mình gửi Chủ đầu tư về việc đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của toàn bộ gói thầu trong bất kỳ hoàn cảnh điều kiện nào nếu liên danh được trúng thầu (kể cả khi các thành viên liên danh không còn khả năng thực hiện phần công việc được phân chia).

Trường hợp liên danh không đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều này thì bị loại khi xét thầu.

8. Trong quá trình thực hiện hợp đồng gói thầu:

- Liên danh không được tùy tiện thay đổi tỷ lệ và nội dung công việc ghi trong hợp đồng liên danh khi tham gia dự thầu;

- Trường hợp cần thiết phải thay đổi tỷ lệ và nội dung công việc đã phân công, nhà thầu liên danh phải có văn bản giải trình gửi Chủ đầu tư, để Chủ đầu tư có văn bản trình cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận trước khi Chủ đầu tư ra

quyết định cho phép thay đổi các nội dung này.

Điều 10. Quy định về thầu phụ

1. Trường hợp có sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu chính phải đề xuất trong hồ sơ dự thầu của mình và kê khai theo mẫu biểu quy định trong hồ sơ mời thầu.

2. Nhà thầu phụ hợp lệ phải đáp ứng các quy định như sau:

2.1. Đủ năng lực pháp luật dân sự theo quy định.

2.2. Đủ năng lực, kinh nghiệm tương ứng với phần công việc được giao.

2.3. Tổng giá trị khối lượng công việc do các nhà thầu phụ đảm nhận không được vượt quá 40% giá trị hợp đồng của gói thầu.

2.4. Có đầy đủ hồ sơ chứng minh sự đáp ứng các quy định nêu trên.

3. Nhà thầu chính phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về việc đảm bảo chất lượng, tiến độ thực hiện gói thầu theo hợp đồng kinh tế giao nhận thầu đã ký với chủ đầu tư, kể cả đối với các công việc do nhà thầu phụ thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu chính không được tùy tiện thay đổi hoặc bổ sung nhà thầu phụ không có trong hồ sơ dự thầu.

Trường hợp cần thiết phải thay đổi hoặc bổ sung thầu phụ, nhà thầu chính

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

phải có văn bản giải trình để Chủ đầu tư xem xét và báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư. Sau khi người có thẩm quyền quyết định đầu tư chấp thuận, Chủ đầu tư ra quyết định cho phép thay đổi hoặc bổ sung nhà thầu phụ.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền quyết định đầu tư về quyết định nêu trên của mình.

5. Tổng công ty (hoặc công ty mẹ) tham gia đấu thầu phải kê khai trong hồ sơ dự thầu của mình danh sách các công ty thành viên sẽ thực hiện gói thầu nếu trúng thầu, khối lượng và giá trị công việc sẽ giao cho các công ty thành viên thực hiện. Trong trường hợp này các công ty thành viên dự kiến thực hiện gói thầu được coi như các nhà thầu phụ của Tổng công ty. Trong giai đoạn thực hiện hợp đồng, nếu muốn thay đổi công ty thành viên để thực hiện gói thầu, Tổng công ty phải thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Nếu xét thấy nhà thầu phụ yếu kém trong quá trình thực hiện, Chủ đầu tư có văn bản thông báo yêu cầu nhà thầu chính tiếp tục đảm trách phần khối lượng còn lại và chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp xét thấy nhà thầu chính cũng không thể thực hiện khối lượng nêu trên, Chủ đầu tư có quyền cắt giảm khối lượng, điều chuyển thay thế nhà thầu phụ khác theo quy định tại Điều 11.

Điều 11. Về xử lý vi phạm

1. Quy định xử lý nhà thầu vi phạm chất lượng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu nhà thầu có vi phạm chất lượng thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo Quyết định số 4391/2002/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Quy định xử lý nhà thầu vi phạm tiến độ

2.1. Một số khái niệm và quy định:

a) *Tiến độ hợp đồng* được hiểu là tiến độ trong hợp đồng giao nhận thầu ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu ứng với khối lượng trong hồ sơ mời thầu, không kể các phát sinh khối lượng và các nguyên nhân bất khả kháng (thiên tai lũ lụt, chậm giải phóng mặt bằng v.v...).

Trường hợp có khối lượng phát sinh hoặc các nguyên nhân bất khả kháng, và nguyên tắc sẽ được tính bổ sung thời gian để thực hiện các công việc này vào hợp đồng.

b) *Vi phạm tiến độ* bao gồm những vi phạm về tiến độ trong từng giai đoạn thực hiện hợp đồng và vi phạm tiến độ kết thúc hợp đồng do lỗi của nhà thầu, kể cả vi phạm tiến độ được gia hạn (do phát sinh khối lượng và các nguyên nhân bất khả kháng).

c) *Các giai đoạn thực hiện hợp đồng* được xác định trên cơ sở thực hiện hoàn

thành các hạng mục chính. Thời điểm kết thúc giai đoạn là mốc để xem xét đánh giá việc vi phạm tiến độ của nhà thầu.

Căn cứ kế hoạch thực hiện của dự án và yêu cầu cụ thể của hợp đồng, chủ đầu tư xác định và công bố các thời điểm xem xét đánh giá tiến độ thực hiện nêu trên.

d) Trong trường hợp tiến độ bị chậm do các nguyên nhân khách quan, nhà thầu phải có văn bản báo cáo chủ đầu tư về nguyên nhân, thời gian bị chậm và các đề xuất.

Chậm nhất 15 ngày sau khi nhận được báo cáo của nhà thầu, chủ đầu tư phải xem xét, có văn bản trả lời, để làm cơ sở xử lý trách nhiệm vi phạm tiến độ.

2.2. Quy định xử lý vi phạm tiến độ:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nhà thầu có vi phạm về tiến độ tùy theo mức độ sẽ bị xử lý như sau:

a) Vi phạm lần đầu:

Sau 10 ngày kể từ khi xác định việc nhà thầu vi phạm tiến độ, chủ đầu tư ra thông báo phê bình nhà thầu, đồng thời yêu cầu nhà thầu có cam kết khắc phục.

b) Vi phạm lần thứ 2:

Sau 10 ngày kể từ khi xác định việc vi phạm tiến độ lần thứ 2, chủ đầu tư có văn bản khiển trách và yêu cầu nhà thầu ký văn bản cam kết với các nội dung sau:

- Cam kết nếu không thực hiện các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của chủ đầu tư sẽ bị cắt chuyển một phần hợp đồng để giao cho nhà thầu phụ bổ sung mới do chủ đầu tư lựa chọn.

- Trong trường hợp phải điều chuyển khối lượng, nếu đơn giá trúng thầu thấp hơn đơn giá của Nhà nước lập tại thời điểm cắt chuyển thì đơn giá giao cho nhà thầu phụ bổ sung được tính theo quy định của Nhà nước tại thời điểm cắt chuyển hợp đồng. Trong trường hợp này, chủ đầu tư trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt dự toán phân khối lượng điều chuyển được tính theo đơn giá mới để làm cơ sở thực hiện. Toàn bộ chi phí tăng thêm so với đơn giá trúng thầu, nhà thầu chính phải chịu.

- Chủ đầu tư được quyền thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ đối với các khối lượng công việc điều chuyển.

- Văn bản cam kết này là phụ lục bổ sung của hợp đồng giao nhận thầu đã ký kết.

c) Vi phạm tiến độ từ lần thứ 3 trở đi:

Sau 10 ngày kể từ khi xác định nhà thầu vi phạm tiến độ từ lần thứ 3 trở đi, ngoài việc tiếp tục bị xử lý điều chuyển khối lượng hợp đồng của nhà thầu như đã nêu ở mục 2.2, chủ đầu tư cần có đánh giá về năng lực thực tế của nhà thầu để xem xét việc xử lý chấm dứt hợp đồng và báo cáo Người có thẩm quyền quyết định.

Chậm nhất 15 ngày sau, cơ quan giúp việc phải trình người có thẩm quyền văn bản trả lời đề nghị của chủ đầu tư.

2.3. Quy định xử lý việc điều chuyển khối lượng cho nhà thầu phụ hoặc chấm dứt hợp đồng:

a) Xử lý điều chuyển khối lượng trong nội bộ liên danh:

Nếu đơn vị thành viên của liên danh vi phạm tiến độ, chủ đầu tư quyết định điều chuyển khối lượng thực hiện giữa các thành viên trong liên danh sau khi có văn bản thống nhất với Lãnh đạo liên danh về khối lượng điều chuyển, đơn vị thành viên được nhận khối lượng điều chuyển, đơn giá hạng mục điều chuyển và tiến độ thực hiện. Văn bản này là phụ lục bổ sung của hợp đồng giao nhận thầu đã ký kết.

Trong trường hợp này, Chủ đầu tư được quyền quyết định, chịu trách nhiệm trước Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và có văn bản báo cáo trước khi thực hiện.

b) Xử lý điều chuyển cho nhà thầu phụ không có trong liên danh:

Khi các nhà thầu trong liên danh không đảm đương được khối lượng công việc của hợp đồng theo đúng tiến độ quy định, sẽ bị cắt chuyển khối lượng công việc ở mức không quá 60% khối lượng của thành viên bị điều chuyển khối lượng để giao cho nhà thầu phụ khác không có

trong liên danh thực hiện. Trong trường hợp này chủ đầu tư cần lập văn bản thống nhất với Lãnh đạo liên danh như một phụ lục bổ sung của hợp đồng đã ký kết với các nội dung tương tự như ở điểm a nêu trên.

Trong trường hợp này chủ đầu tư có quyền lựa chọn nhà thầu phụ, quyết định điều chuyển, chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền quyết định đầu tư và có văn bản báo cáo trước khi thực hiện.

c) Xử lý chấm dứt hợp đồng đối với nhà thầu:

Nhà thầu vi phạm tiến độ từ 3 lần trở lên, hoặc nhà thầu yếu kém về năng lực, không đáp ứng yêu cầu thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư làm các thủ tục chấm dứt và thanh lý hợp đồng.

- Nếu khối lượng công việc còn lại không quá 50% giá trị hợp đồng, chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu mới đủ năng lực để giao thực hiện phần còn lại của hợp đồng. Đơn giá giao cho nhà thầu mới thực hiện theo quy định ở mục 2.2 nêu trên. Các thiệt hại về kinh tế trong trường hợp này, kể cả thiệt hại do việc thay đổi đơn giá giao cho nhà thầu mới do nhà thầu bị chấm dứt hợp đồng chịu.

- Trường hợp khối lượng công việc còn lại lớn hơn 50% giá trị gói thầu thì phải thanh lý hợp đồng và làm các thủ tục đấu thầu lại (kể cả hình thức chỉ định thầu).

Đối với các trường hợp nêu trên, chủ đầu tư phải làm việc với nhà thầu vi phạm, lập biên bản xử lý trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định để triển khai thực hiện.

2.4. Xử phạt về kinh tế đối với các vi phạm về tiến độ

Ngoài việc xử phạt điều chuyển khối lượng, cắt chuyển hợp đồng như đã nêu ở mục 2.2 và 2.3, nhà thầu vi phạm còn bị xử lý về kinh tế như sau:

a) Nếu nhà thầu có vi phạm tiến độ gây ra các tổn thất, thiệt hại, chủ đầu tư phải có báo cáo Người có thẩm quyền về các nội dung vi phạm, đánh giá xác định giá trị các tổn thất, thiệt hại do lỗi nhà thầu gây ra và kiến nghị hình thức xử phạt nhà thầu bù đắp các tổn thất, thiệt hại đó.

b) Trong hợp đồng được ký kết phải quy định rõ việc xử phạt kinh tế khi vi phạm tiến độ do lỗi của nhà thầu gây ra. Việc xử lý vi phạm theo nguyên tắc giá trị phạt theo tỷ lệ % trên số ngày vi phạm tiến độ, mức phạt theo ngày trong khoảng từ 0,05% đến 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày vi phạm. Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng theo quy định của Luật Xây dựng.

2.5. Biện pháp xử lý hành chính đối với nhà thầu vi phạm tiến độ:

Nhà thầu vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng ngoài việc bị xử lý theo các

biện pháp nêu trên, còn chịu các xử lý hành chính như sau:

a) Xử lý phê bình, khiển trách, cảnh cáo:

- Vi phạm tiến độ lần đầu: Chủ đầu tư có văn bản nghiêm khắc phê bình;

- Vi phạm tiến độ lần thứ 2: Chủ đầu tư có văn bản khiển trách, báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

- Vi phạm tiến độ ở mức phải chấm dứt hợp đồng: Chủ đầu tư có văn bản báo cáo Bộ và ra quyết định cảnh cáo.

b) Xử lý không cho đấu thầu các dự án tiếp theo của ngành GTVT:

- Nhà thầu bị cắt chuyển từ 60% giá trị hợp đồng trở lên sẽ không được tham gia đấu thầu các dự án của ngành GTVT trong thời gian 6 tháng.

- Nhà thầu bị chấm dứt thanh lý hợp đồng sẽ không được tham gia đấu thầu các dự án của ngành GTVT trong thời gian 01 năm.

2.6. Đối với nhà thầu vi phạm tiến độ bị chấm dứt và thanh lý hợp đồng sẽ bị đăng trên trang WEB và tờ “Thông tin Đấu thầu” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Xử lý trách nhiệm chủ đầu tư:

3.1. Chủ đầu tư để nhà thầu vi phạm chất lượng sẽ bị xử lý theo Quyết định số 4391/2002/QĐ-BGTVT ngày 27/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3.2. Xử lý trách nhiệm của chủ đầu tư khi có nhà thầu vi phạm tiến độ:

a) Về công tác báo cáo và theo dõi tiến độ thực hiện:

Hàng tháng Chủ đầu tư rà soát toàn bộ các hợp đồng đang thực hiện trong phạm vi mình quản lý, có báo cáo đánh giá về việc vi phạm tiến độ hợp đồng, nêu rõ tên nhà thầu, tình hình thực hiện đến thời điểm hiện tại và đánh giá hành động khắc phục của các nhà thầu có vi phạm tiến độ (theo biểu mẫu kèm theo). Báo cáo của các chủ đầu tư gửi về Bộ và Cục Giám định và QLCL CTGT.

b) Xử lý trách nhiệm của chủ đầu tư về công tác báo cáo tiến độ:

Nếu nhà thầu có vi phạm tiến độ mà chủ đầu tư không thực hiện báo cáo kịp thời hoặc báo cáo sai sự thật thì Thủ trưởng của chủ đầu tư (Tổng Giám đốc Ban QLDA, Giám đốc Sở...) bị xử lý như sau:

- Trường hợp chậm trễ đến 03 tháng không báo cáo sẽ bị khiển trách;

- Trường hợp chậm trễ đến 06 tháng không báo cáo hoặc báo cáo sai sự thật sẽ bị cảnh cáo.

c) Xử lý chủ đầu tư về việc xét chọn nhà thầu:

Do việc chủ đầu tư đánh giá năng lực nhà thầu thiếu chính xác, lựa chọn nhà

thầu trúng thầu không đủ năng lực để xảy ra vi phạm tiến độ sẽ bị xử lý như sau:

- Trường hợp trong 01 năm có 3 hợp đồng vi phạm tiến độ Thủ trưởng đơn vị làm chủ đầu tư sẽ bị khiển trách;

- Trường hợp trong 01 năm có từ 4 hợp đồng trở lên vi phạm tiến độ Thủ trưởng đơn vị làm chủ đầu tư sẽ bị cảnh cáo.

3.3. Tùy theo mức độ vi phạm của chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định đầu tư sẽ xem xét việc giao nhiệm vụ là chủ đầu tư các dự án tiếp theo.

Điều 12. Quy định thi hành

1. Quy định này có hiệu lực sau 5 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Trong quá trình áp dụng quy định ban hành kèm theo Quyết định này sẽ được cập nhật, sửa đổi cho phù hợp các quy định mới ban hành của Nhà nước về các vấn đề liên quan.

3. Các Chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư, Ban quản lý dự án sử dụng nguồn vốn trong nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong ngành Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

Đào Đình Bình